

Bản án số: 292/2021/HNGĐ-ST

Ngày 11-10 - 2021

V/v: *Không công nhận vợ chồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thu Hà

2. Bà Lộc Thị Kim Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2021/TLST-HNGĐ, ngày 28/7/2021 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/9/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị S, sinh năm 1976

- Bị đơn: Anh Bàn Văn B, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang

(Chị S vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh B vắng mặt không có lý do - Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Đặng Thị S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàn Văn B tự nguyện tìm hiểu và chung sống nhưng không đăng ký kết hôn, từ năm 2001 chị và anh B chung sống tại thôn M, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của chị và anh B hạnh phúc đến năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến chị và các con, hiện nay chị và anh B đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh B là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Bàn Thị Tuyết, sinh ngày 01/01/2002 và Bàn Thị Liêm, sinh ngày 18/6/2006, hiện nay con chung Bàn Thị

Tuyết đã trưởng thành có khả năng lao động, chị không đề nghị giải quyết, con chung Bàn Thị Liêm đang ở cùng chị, chị đề nghị nuôi con và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Chị và anh Bàn Văn B không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ: Chị và anh Bàn Văn B không vay nợ ai, không đề nghị giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lập biên bản làm việc và xác minh tại địa phương thể hiện: Chị S và anh B đều có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, quá trình chung sống tại địa phương anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, anh B hay uống rượu, hay đi lang thang trong thôn, sinh hoạt thất thường nên rất khó gặp. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng anh B không đến Tòa án làm việc.

- Trong đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị Đặng Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị xác nhận vợ chồng chị lấy nhau không đăng ký kết hôn, chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh B là vợ chồng.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị S; Xử không công nhận giữa chị Đặng Thị S và anh Bàn Văn B là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung Bàn Thị Liêm, sinh ngày 18/6/2006, cho chị Đặng Thị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Chị Đặng Thị S phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị S và anh Bàn Văn B có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn M, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với anh Bàn Văn B. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các điều 28, 35 và điều 39 của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương: Anh Bàn Văn B có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, sinh sống tại địa phương nhưng sinh hoạt thất thường, thường xuyên uống rượu và đi lang thang trong thôn, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh B không đến Tòa án để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị S và anh Bàn Văn B tự nguyện tìm hiểu và chung sống nhưng không đăng ký kết hôn, từ năm 2001 chị S và anh B chung sống tại thôn M, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của chị S và anh B hạnh phúc đến năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn hiện nay chị S và anh B đã sống ly thân. Xác minh tại UBND xã Trung Minh: Từ thời điểm 2001 đến nay, chị Đặng Thị S và anh Bàn Văn B không đăng ký kết hôn tại xã. Như vậy, chị S xác định chị và anh B không đăng ký kết hôn, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có căn cứ chứng minh chị S và anh B có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa chị S và anh B mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, chị S và anh B không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay, chị Đặng Thị S đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận giữa chị và anh B là vợ chồng.

Vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị S là có căn cứ cần chấp nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị S. Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị S và anh Bàn Văn B là phù hợp quy định tại điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị S và anh B có 02 con chung là Bàn Thị Tuyết, sinh ngày 01/01/2002 và Bàn Thị Liêm, sinh ngày 18/6/2006, hiện nay con chung Bàn Thị Tuyết đã trưởng thành có khả năng lao động, chị S không đề nghị giải quyết, con chung Bàn Thị Liêm đang ở cùng chị S, chị S đề nghị nuôi con và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Liêm có nguyện vọng được ở cùng

chị S. HĐXX giao cháu Liêm cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị S.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị S và anh Bàn Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung Bàn Thị Liêm, sinh ngày 18/6/2006 cho chị Đặng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bàn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị S phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004044, ngày 28 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị S đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị S và anh Bàn Văn B được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- UBND xã Trung Minh (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hà - Lộc Thị Kim Thơm

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- UBND xã Trung Minh (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ninh - Đặng Thị Huệ

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- UBND xã Mỹ Bằng (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ninh - Lê Hồng Việt

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- UBND xã Đạo Viện (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ninh - Đặng Thị Huệ

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;(nt)
- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã Phú Lâm (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Hà

Nguyễn Quang Thắng - Đặng Thị Huệ

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn; (nt)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã Phú Lâm (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn; (nt)
- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã Kim Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ - Hoàng Đức Cảnh

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn; (nt)
- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND thị trấn Tân B;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Thu Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ - Hoàng Đức Cảnh

Nguyễn Thị Thu Hà

